Thứ hai ngày …………………..

Toán

**ÔN TẬP VỀ ĐẠI LƯỢNG (Tiếp theo)**

**BÀI TẬP CẦN LÀM: bài 1/172; bài 2/ 172; bài 4/173.**

**Bài tập 1/172:** Viết số thích hợp vào chỗ chấm:

1m2 = ………..dm2 1km2 = …………..m2

1m2 = ………..cm2 1dm2 = …………..cm2

**Bài tập 2/172:** Viết số thích hợp vào chỗ chấm:

a) 15m2 = ………..cm2 m2 = ……dm2

103m2 = ………..dm2 dm2 = ……cm2

2110dm2 = ………..cm2 m2 = ……cm2

b) 500cm2 = ………..dm2 1cm2 = …….dm2

1300dm2 = ………..m2 1dm2 = …….m2

60 000cm2 = ………..m2 1cm2 = …….m2

c) 5m2 9dm2 = ………..dm2 700dm2 = …….m2

8m2 50cm2 = ………..cm2 50 000cm2 = …….m2

\* ***Hướng dẫn bài tập 1 và 2:*** Chuyển đổi đơn vị đo điện tích: Hai đơn vị liền kề hơn hoặc kém nhau 100 lần.

**BẢNG ĐƠN VỊ ĐO DIỆN TÍCH**

**km2 hm2 dam2 m2 dm2 cm2 mm2**

**Bài tập 4/173**: Một thửa ruộng hình chữ nhật có chiều dài 64m và chiều rộng 25m. Trung bình cứ 1m2 ruộng đó thì thu hoạch được kg thóc. Hỏi trên cả thửa ruộng đó người ta thu hoạch được bao nhiêu tạ thóc?

**Tóm tắt:**

Chiều dài : 64m

Chiều rộng : 25m

1m2 thu hoạch: kg thóc

Cả thửa ruộng:…….. tạ thóc?

\* ***Hướng dẫn bài tập 4:***

- Tính diện tích thửa ruộng hình chữ nhật = chiều dài x chiều rộng

- Tính số ki-lô-gam thóc thu hoạch trên thửa ruộng = diện tích x

- Đổi sang đơn vị tạ.

***CÁC EM XEM KẾT QUẢ NHÉ!***

**Bài tập 1/172:** Viết số thích hợp vào chỗ chấm:

1m2 = 100dm2 1km2 = 1 000 000m2

1m2 = 10 000cm2 1dm2 = 100cm2

**Bài tập 2/172**: Viết số thích hợp vào chỗ chấm:

a) 15m2 = 150 000cm2 m2 = 10dm2 (100 : 10 = 10)

103m2 = 10 300dm2 dm2 = 10cm2 (100 : 10 = 10)

2110dm2 = 211 000cm2 m2 = 1000cm2 (10000 : 10 = 1000)

b) 500cm2 = 5dm2 1cm2 = dm2 (1cm2 kém 1dm2 100 lần)

1300dm2 = 13m2 1dm2 = m2 (1dm2 kém 1m2 100 lần)

60 000cm2 = 6m2 1cm2 = m2 (1cm2 kém 1m2 10000 lần)

c) 5m2 9dm2 = 509dm2 700dm2 = 7m2

8m2 50cm2 = 80050cm2 50 000cm2 = 5m2

**Bài tập 4/173: Bài giải**

Diện tích thửa ruộng hình chữ nhật:

64 x 25 = 1 600 (m2)

Số ki-lô-gam thóc thu hoạch trên thửa ruộng:

1 600 x = 800 (kg)

800kg = 8 tạ

Đáp số: 8 tạ

Thứ ba ngày ……………..

Toán

**ÔN TẬP VỀ HÌNH HỌC**

**BÀI TẬP CẦN LÀM: bài 1/173; bài 3/ 173; bài 4/173.**

**Bài tập 1/173**: Quan sát hình bên, hãy chỉ ra: A B

a) Các cạnh song song với nhau;

b) Các cạnh vuông góc với nhau.

D C

***\* Hướng dẫn bài tập 1:***

- Hai đường thẳng song song với nhau là hai đường thẳng đối diện không bao giờ cắt nhau.

- Dùng ê ke để kiểm tra hai đường thẳng vuông góc với nhau.

**Bài tập 3/173:** Đúng ghi Đ, sai ghi S:

4cm 3cm

3cm

Hình 1 Hình 2

a) Chu vi hình 1 bằng chu vi hình 2.

b) Diện tích hình 1 bằng diện tích hình 2.

c) Diện tích hình 1 lớn hơn diện tích hình 2.

d) Chu vi hình 1 lớn hơn chu vi hình 2.

***\* Hướng dẫn bài tập 3:***

- Chu vi hình chữ nhật = (chiều dài + chiều rộng) x 2

- Chu vi hình vuông = cạnh x 4

- Diện tích hình chữ nhật = chiều dài x chiều rộng

- Diện tích hình vuông = cạnh x cạnh

**Bài tập 4/173**: Để lát nền một phòng học hình chữ nhật, người ta dùng loại gạch men hình vuông có cạnh 20cm. Hỏi cần bao nhiêu viên gạch để lát kín nền phòng học đó, biết rằng nền phòng học có chiều rộng 5m, chiều dài 8m và phần gạch vữa không đáng kể.

**Tóm tắt:**

Chiều dài phòng học : 8m

Chiều rộng phòng học : 5m

Viên gạch hình vuông cạnh: 20cm

Lát kín nền phòng học : …….. viên gạch?

***\* Hướng dẫn bài tập 4:***

- Diện tích phòng học hình chữ nhật = chiều dài x chiều rộng

- Diện tích 1 viên gạch hình vuông = cạnh x cạnh

- Số viên gạch để lát kín nền phòng học = diện tích phòng học : diện tích 1 viên gạch

***CÁC EM XEM KẾT QUẢ NHÉ!***

**Bài tập 1/173**: Quan sát hình bên, hãy chỉ ra: A B

a) Các cạnh song song với nhau: AB và DC

b) Các cạnh vuông góc với nhau: BA và AD; AD và DC

D C

**Bài tập 3/173:** Đúng ghi Đ, sai ghi S:

4cm 3cm

3cm

Hình 1 Hình 2

Bài giải

Chu vi hình 1:

(4 + 3) x 2 = 14 (cm)

Chu vi hình 2:

3 x 4 = 12 (cm)

Diện tích hình 1:

4 x 3 = 12 (cm2)

Diện tích hình 2:

3 x 3 = 9 (cm2)

**S**

a) Chu vi hình 1 bằng chu vi hình 2.

**S**

b) Diện tích hình 1 bằng diện tích hình 2.

**Đ**

c) Diện tích hình 1 lớn hơn diện tích hình 2.

**Đ**

d) Chu vi hình 1 lớn hơn chu vi hình 2.

**Bài tập 4/173: Bài giải**

Diện tích phòng hoc hình chữ nhật:

8 x 5 = 40 (m2)

Đổi 40m2 = 400 000cm2

Diện tích viên gạch hình vuông:

20 x 20 = 400 (cm2)

Số viên gạch để lát kín nền phòng học:

400000 : 400 = 1000 (viên gạch)

Đáp số: 1000 viên gạch

......................................................................................................................................

Thứ tư ngày ……………..

Toán

**ÔN TẬP VỀ HÌNH HỌC (Tiếp theo)**

**BÀI TẬP CẦN LÀM: bài 1/174; bài 2/ 174; bài 4/174.**

**Bài tập 1/174**: Quan sát hình bên, hãy chỉ ra: A B

a) Đoạn thẳng song song với AB;

b) Đoạn thẳng vuông góc với BC. C

D E

***\* Hướng dẫn bài tập 1:***

- Hai đường thẳng song song với nhau là hai đường thẳng đối diện không bao giờ cắt nhau.

- Dùng ê ke để kiểm tra hai đường thẳng vuông góc với nhau.

**Bài tập 2/174**:

A 8cm B

M N

4 4cm

Q P

D C

Hình vuông ABCD và hình chữ nhật MNPQ có cùng diện tích. Hãy chọn số đo chỉ đúng chiều dài của hình chữ nhật:

a) 64cm; b) 32cm; c) 16cm; d) 12cm.

***\* Hướng dẫn bài tập 2:***

- Diện tích hình vuông = cạnh x cạnh.

- Hình vuông ABCD và hình chữ nhật MNPQ có cùng diện tích nên ta có diện tích hình chữ nhật MNPQ.

- Chiều dài hình chữ nhật = diện tích : chiều rộng.

**Bài tập 4/174**: Cho hình ****tạo bởi hình bình hành ABCD và hình chữ nhật BEGC như hình vẽ bên. Tính diện tích hình ****

A

B 3cm E

4cm

3cm

D

C G

Hình ****

***\* Hướng dẫn bài tập 4:***

- Diện tích hình bình hành = độ dài đáy × chiều cao.

- Diện tích hình chữ nhật = chiều dài × chiều rộng.

- Diện tích hình H = diện tích hình bình hành ABCD + diện tích hình chữ nhật BEGC.

***CÁC EM XEM KẾT QUẢ NHÉ!***

**Bài tập 1/174**: Quan sát hình bên, hãy chỉ ra: A B

a) Đoạn thẳng song song với AB là DE

b) Đoạn thẳng vuông góc với BC là CD C

D E

**Bài tập 2/174**: Bài giải

Diện tích hình vuông ABCD có cùng

diện tích hình chữ nhật MNPQ bằng:

8 x 8 = 64 (cm2)

Chiều dài hình chữ nhật MNPQ:

64 : 4 = 16 (cm)

Đáp án đúng là:

a) 64cm; b) 32cm; c) 16cm; d) 12cm.

**Bài tập 4/174**: Bài giải

Hình **** gồm có hình bình hành ABCD và hình chữ nhật BEGC.

Diện tích hình bình hành ABCD:

4 x 3 = 12 (cm2)

Diện tích hình chữ nhật BEGC:

4 x 3 = 12 (cm2)

Diện tích hình ****:

12 + 12 = 24 (cm2)

Đáp số: 24cm2

…………………………………………………………………………………………………

Thứ năm ngày ……………..

Toán

**ÔN TẬP VỀ TÌM SỐ TRUNG BÌNH CỘNG**

**BÀI TẬP CẦN LÀM: bài 1/175; bài 2/ 175; bài 3/175.**

**Bài tập 1/175**: Tìm số trung bình cộng của các số sau:

1. 137; 248 và 395.
2. 348; 219; 560 và 725.

***\* Hướng dẫn bài tập 1:***

a) Trung bình cộng của 3 số = tổng của 3 số : 3

b) Trung bình cộng của 4 số = tổng của 4 số : 4

**Bài tập 2/175**: Trong 5 năm liền số dân của một phường tăng lần lượt là: 158 người, 147 người, 132 người, 103 người, 95 người. Hỏi trong 5 năm đó, trung bình số dân tăng hằng năm là bao nhiêu người?

***\* Hướng dẫn bài tập 2:***

- Tính số dân tăng trong 5 năm.

- Tính trung bình số dân tăng hằng năm.

**Bài tập 3/175**: Tổ Một góp được 36 quyển vở. Tổ Hai góp được nhiều hơn tổ Một 2 quyển nhưng lại ít hơn tổ ba 2 quyển. Hỏi trung bình mỗi tổ góp được bao nhiêu quyển vở?

***\* Hướng dẫn bài tập 3:***

- Tính số quyển vở tổ Hai góp được = tổ Một + 2 quyển

- Tính số quyển vở tổ Ba góp được = tổ Hai + 2 quyển

- Tính số quyển vở trung bình mỗi tổ góp được = (tổ Một + tổ Hai + tổ Ba) : 3

***CÁC EM XEM KẾT QUẢ NHÉ!***

**Bài tập 1/175**: Tìm số trung bình cộng của các số sau:

1. 137; 248 và 395.

(137 + 248 + 395) : 3 = 260

1. 348; 219; 560 và 725.

(348 + 219 + 560 + 725) : 4 = 463

**Bài tập 2/175**: Bài giải

Số dân tăng trong 5 năm là:

158 + 147 + 132 + 103 + 95 = 635 (người)

Trung bình số dân tăng hằng năm là:

635 : 5 = 127 (người)

Đáp số: 127 người

**Bài tập 3/175**: Bài giải

Số quyển vở tổ Hai góp được:

36 + 2 = 38 (quyển)

Số quyển vở tổ Ba góp được:

38 + 2 = 40 (quyển)

Trung bình mỗi tổ góp được số quyển vở:

(36 + 38 + 40) : 3 = 38 (quyển)

Đáp số: 38 quyển

…………………………………………………………………………………………………

Thứ sáu ngày ……………..

Toán

**ÔN TẬP VỀ TÌM HAI SỐ KHI BIẾT TỔNG VÀ HIỆU CỦA HAI SỐ ĐÓ**

**BÀI TẬP CẦN LÀM: bài 1/175; bài 2/ 175; bài 3/175.**

**Bài tập 1/175**: Viết số thích hợp vào ô trống:

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| Tổng hai số | 318 | 1945 | 3271 |
| Hiệu hai số | 42 | 87 | 493 |
| Số lớn |  |  |  |
| Số bé |  |  |  |

***\* Hướng dẫn bài tập 1:***

- Số lớn = (tổng + hiệu) : 2

- Số bé = (tổng - hiệu) : 2

**Bài tập 2/175**: Hai đội trồng rừng trồng được 1375 cây. Đội thứ nhất trồng nhiều hơn đội thứ hai 285 cây. Hỏi mỗi đội trồng được bao nhiêu cây?

***\* Hướng dẫn bài tập 2:***

- Tổng của hai số là 1375 cây. Hiệu của hai số là 285 cây.

- Tính số cây đội thứ nhất trồng được = (tổng + hiệu) : 2

- Tính số cây đội thứ hai trồng được = (tổng - hiệu) : 2

(hoặc = tổng – số cây đội thứ nhất)

**Bài tập 3/175**: Một thửa ruộng hình chữ nhật có chu vi 530m, chiều rộng kém chiều dài 47m. Tính diện tích của thửa ruộng.

\* Tóm tắt:

Nửa chu vi thửa ruộng là:

530 : 2 = 265 (m)

Ta có sơ đồ:

?m

Chiều dài :

265m

Chiều rộng: 47m

?m

***\* Hướng dẫn bài tập 3:***

- Tính tổng bài toán là nửa chu vi của thửa ruộng = chu vi : 2

- Tính chiều rộng = (tổng – hiệu) : 2

- Tính chiều dài = (tổng + hiệu) : 2

(hoặc = tổng – chiều rộng)

- Tính diện tích thửa ruộng hình chữ nhật = chiều dài x chiều rộng

***CÁC EM XEM KẾT QUẢ NHÉ!***

**Bài tập 1/175**: Viết số thích hợp vào ô trống:

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| Tổng hai số | 318 | 1945 | 3271 |
| Hiệu hai số | 42 | 87 | 493 |
| Số lớn | 180 | 929 | 1882 |
| Số bé | 138 | 1016 | 1389 |

**Bài tập 2/175**: Bài giải

Số cây đội thứ nhất trồng được:

(1375 + 285) : 2 = 830 (cây)

Số cây đội thứ hai trồng được:

1375 – 830 = 545 (cây)

Đáp số: Đội thứ nhất: 830 cây

Đội thứ hai: 545 cây

**Bài tập 3/175**: Bài giải

Nửa chu vi của thửa ruộng hình chữ nhật:

530 : 2 = 265 (m)

Chiều rộng thửa ruộng hình chữ nhật:

(265 - 47) : 2 = 109 (m)

Chiều dài thửa ruộng hình chữ nhật:

265 – 109 = 156 (m)

Diện tích thửa ruộng hình chữ nhật:

156 x 109 = 17004 (m2)

Đáp số: 17004 m2